

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
BỆNH VIỆN ĐK NGHỊ LỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 125 /BVNL-VB
V/v công bố cơ sở KB,CB
đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành

Nghi Lộc, ngày 18 tháng 03 năm 2019

BẢN CÔNG BỐ
Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu
là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Kính gửi: Sở Y tế Tỉnh Nghệ an;

Tên cơ sở công bố: Bệnh viện đa khoa huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An;
Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 0096/SYT-GPHĐ cấp
ngày 21/7/2014 của Sở Y tế Nghệ An.

Địa chỉ: Xóm 8, xã Nghi Thịnh, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: BSCKII Nguyễn Huy Phúc

Điện thoại liên hệ: 0915.125877 Email: nguyenhuyphuc2009@gmail.com

Căn cứ Nghị định số: 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017
của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành
sức khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định
với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành (Phụ lục 1)
2. Trình độ đào tạo thực hành (Phụ lục 1)
3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (Phụ lục 1)
4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu (Phụ lục 2)
5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc
ghế răng tại mỗi khoa phòng (Phụ lục 2).
6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành (Phụ
lục 3).

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã
công bố.

Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét, đăng tải thông tin theo quy định. /*lf*



Nguyễn Huy Phúc

THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
(Tại 1 thời điểm)

I. ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	52720101	Đại học	Y đa khoa/Y khoa	Nội khoa	Thực hành khám chữa bệnh Nội khoa	Khoa Cấp cứu- Hồi sức tích cực- chống độc	2	20	20	60		20
						Khoa Nội Tim mạch, nội tiết	2	20	30	90		20
						Nội tổng hợp	4	40	30	90		40
						Khoa Truyền nhiễm	1	10	20	60		10
						Tổng	9	90	100	300	0	90
2	52720101	Đại học	Y đa khoa/Y khoa	Ngoại khoa	Thực hành khám chữa bệnh Ngoại khoa	Khoa Ngoại	2	20	30	90		20
						Khoa khám chữa bệnh tự nguyện	2	20	30	90		20
						Tổng	4	40	60	180	0	40
3	52720101	Đại học	Y đa khoa/Y khoa	Sản khoa	Thực hành khám chữa bệnh Sản phụ khoa	Khoa Sản phụ khoa	3	30	30	90		30
						Tổng	3	30	30	90	0	30
4	52720101	Đại học	Y đa khoa/Y khoa	Nhãn khoa	Thực hành khám chữa bệnh nhãn khoa	Khoa Mắt	1	10	15	45		10
						Tổng	1	10	15	45	0	10

T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	52720101	Đại học	Y đa khoa/Y khoa	TMH	Thực hành khám chữa bệnh TMH	Khoa TMH-RHM	1	10	15	45		10
	52720101	Đại học	Y đa khoa/Y khoa	RHM	Thực hành khám chữa bệnh RHM		1	10	15	45		10
					Tổng		2	20	30	90	0	20
	52720101	Đại học	Y đa khoa/Y khoa	YHCT-PHCN	Thực hành khám chữa bệnh YHCT-PHCN	Khoa Đông Y-PHCN	2	20	20	60		20
					Tổng		2	20	20	60	0	20

ĐÀO TẠO CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG

5720301	Cử nhân	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người bệnh	Thực hành các kỹ thuật của Điều dưỡng	Khoa khám chữa bệnh tự nguyện	1	10	20	60		10
					Khoa Cấp cứu- Hồi sức tích cực- chống độc	1	10	20	60		10
					Khoa Nội Tổng hợp	1	10	30	90		10
					Tổng	3	30	70	210	0	30
5720303	Cử nhân	Điều dưỡng phụ sản	Chăm sóc sức khỏe sản phụ, trẻ sơ sinh và người có bệnh	Thực hành các kỹ thuật đỡ đẻ thường, chăm sóc sản phụ sau đẻ, sau mổ, chăm sóc trẻ sơ sinh ngay sau đẻ	Khoa Sản phụ khoa	2	20	30	90		20
					Tổng	2	20	30	90	0	20
Tổng cộng						5	50	100	300	0	50

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13

I. ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

1	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe	Thực hành các kỹ thuật của Điều dưỡng	Khoa ngoại	1	15	30	90		15
						Khoa TMH-RHM	1	15	15	45		15
						Khoa Nội Tim mạch, nội tiết	2	30	30	90		30
						Khoa Nhi	1	15	20	60		15
						Tổng	5	75	95	285	0	75
7	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Chăm sóc sức khỏe sản phụ, trẻ sơ sinh và người có bệnh phụ khoa	Thực hành các kỹ thuật đỡ đẻ thường, chăm sóc sản phụ sau đẻ, sau mổ, chăm sóc trẻ sơ sinh ngay sau đẻ	Khoa Sản phụ khoa	1	15	30	90		15
						Tổng	1	15	30	90	0	15
7	6720601	Cao đẳng	Kỹ thuật hình ảnh Y học	Thực hành tốt nghiệp	Thực hành chụp X.Q	Khoa chẩn đoán hình ảnh	3	45				45
						Tổng	3	45				45

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
8	6720201	Cao đẳng	Dược học	Thực hành các chuyên ngành Dược học	Thực hành chuyên ngành về quản lý & cung ứng thuốc	Thực hành chuyên ngành về quản lý & cung ứng thuốc và nhà thuốc	3	45				45
Tổng							3	45				45

Ngày 18 tháng 3 năm 2019

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Huy Phúc

A. DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH Y ĐA KHOA

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Hoàng Trung Thông	BSCKI	HSCC	4150/NA-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa hồi sức cấp cứu; Khám chữa bệnh nội nhi lây	21	Nội khoa	Sốc nhiễm khuẩn, Rối loạn lipit máu, Ngộ độc cấp, Suy hô hấp, Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính, Nhồi máu cơ tim, Bệnh mạch vành...	Khoa Cấp cứu- Hồi sức tích cực- chống độc	20
2	Cao Văn Hiến	Bác sỹ	Đa khoa	8159/NA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa hệ Nội - Nhi;	4	Nội khoa			
3	Nguyễn Hữu Phong	BSCKI	Nội khoa	4528/NA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội - Nhi, Khám chữa bệnh khoa Lây	23	Nội khoa	Bệnh lý tim mạch. Rối loạn chuyển hóa, Tiểu đường	Khoa Nội Tim mạch, nội tiết	30
4	Nguyễn Thị Khánh Hòa	Bác sỹ	Đa khoa	8158/NA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa hệ Nội- Nhi; Khám chữa bệnh chuyên khoa Lây	4	Nội khoa			
5	Chu Đức Quỳnh	BSCKI	Nội khoa	4522/NA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	11	Nội khoa	Nội hô hấp, dị ứng. Viêm phế quản; Hen phế quản Viêm đa khớp	Khoa Nội	20
6	Lê Thị Vân	Bác sỹ	Đa khoa	4107NA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	8	Nội khoa			

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
7	Nguyễn Thị Dương Tuyết	BsCKI	Nội khoa	4531/NA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, Nhi khoa	14	Nội khoa	quan. viêm da khớp dạng thấp. Viêm da dày cấp, mãn. Nội thận, tiết niệu	Tổng hợp	30
8	Nguyễn Đình Khải	Thạc sỹ	Nội khoa	8157/NA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	9	Nội khoa			
9	Trần Quốc Việt	BSCKI	Truyền nhiễm	4136/NA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội truyền nhiễm; hám chữa bệnh nhi khoa	19	Nội khoa	Nhiễm khuẩn huyết. Các bệnh nhiễm khuẩn đường ruột. Viêm gan B, Viêm gan VR, Sốt XH. Viêm da dị ứng	Khoa Truyền nhiễm	20
10	Nguyễn Huy Phúc	BSCKI	BSCKI Ngoại	4152/NA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Ngoại khoa; hám chữa bệnh sản khoa	28	Ngoại khoa	Gãy xương cẳng chân, cẳng tay, cánh tay.Sỏi niệu quản,sỏi tiết niệu.U xơ tuyến tiền liệt.Thoát vị bẹn. Viêm ruột thừa. Viêm phúc mạc.Tắc ruột.Viêm tụy cấp. Vết thương thấu bụng.Vết thương hở.	Khoa KCB tự nguyện	20
11	Phan Đức Trung	BSCKI	Ngoại khoa	4483/NA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa hệ Ngoại - Sản	11	Ngoại khoa		Khoa KCB tự nguyện	20
12	Nguyễn Thế Tùng	BSCKI	Ngoại khoa	4529/NA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa hệ Ngoại - Sản	18	Ngoại khoa		Khoa Ngoại	30
13	Phạm Văn Phi	Bác sỹ	Đa khoa	7457/NA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa hệ Ngoại - Sản	5	Ngoại khoa		Khoa Ngoại	30

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
14	Lê Kế Tú	BSCKI	Sản khoa	4083/NA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Sản phụ khoa; Bổ sung PVHĐCM: Khám chữa bệnh Ngoại khoa; chẩn đoán bệnh bằng Siêu âm	30	Sân phụ khoa	Đỡ đẻ thường. Mô đẻ. Các bệnh lý sản phụ khoa. Các tai biến sản khoa. Chăm sóc bà mẹ & bé sau hậu phẫu....	Khoa Sản phụ khoa	30
15	Nguyễn Thị Thu Hà	BSCKI	Sản khoa	4084/NA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Sản phụ khoa; Bổ sung PVHĐCM: Khám chữa bệnh Ngoại khoa;	11				
16	Nguyễn Duy Giang	BSCKI	Đa khoa	6683/NA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Ngoại - Sản; chẩn đoán bệnh bằng siêu âm cơ bản trong sản phụ khoa	6				
17	Nguyễn Hữu Thọ	BSCKII	Nhãn khoa	4149/NA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	22	Nhãn khoa	Bệnh kết mạc, giác mạc; Tật khúc xạ; Bệnh đục thể tinh thủy; bệnh Glaucoma; Mộng mắt; Quặm	Khoa Mắt	15

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
18	Nguyễn Huy Thông	Bác sỹ	RHM	4219/NA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng - Hàm - Mặt	8	RHM	Gãy xương hàm trên, hàm dưới; Gãy xương gò má, áp xe má; sâu răng, viêm tủy răng; Điều trị áp- xe quanh răng cấp; Chích áp- xe lợi; Điều trị tủy răng; Lấy tủy buồng răng vĩnh viễn	Khoa TMH-RHM	15
19	Nguyễn Tài Tình	Bác sỹ	TMH	7970/NA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng;	10	TMH	Viêm họng, viêm thanh quản, viêm Amidal; viêm tai; viêm mũi, chảy máu mũi, lấy dị vật mũi; soi thanh quản		15
20	Nguyễn Thị Phương Anh	BSCKI	Y học cổ truyền	4081/NA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền; Bổ sung PVHĐCM: Khám chữa bệnh phục hồi chức năng	26	Phục hồi chức năng	Điện châm; thủy châm; Xoa bóp bấm huyệt; Điều trị bằng Laser ; Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống; xe đạp tập; siêu âm điều trị;	Khoa Đông Y-PHCN	20
21	Trần Văn Công	Bác sỹ	Y học cổ truyền	7726/NA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa phục hồi chức năng; Bổ sung PVHĐCM: Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	7				

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11

B. DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH CỬ NHÂN

1	Hoàng Thị Thu Hà	Cử nhân	Điều dưỡng	008441/NA-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về điều dưỡng đại học	5	Chăm sóc sức khỏe người có bệnh cấp cứu	Đánh giá xử trí ban đầu bệnh nhân cấp cứu; cấp cứu bệnh nhân ngừng tuần hoàn; bệnh nhân suy hô hấp; phù phổi cấp; hôn mê; sốc; xuất huyết tiêu hóa, ngộ độc cấp; điện giật; ngạt nước; CSBN đặt ống nội khí quản, canun mở khí quản, thở máy; kỹ thuật lấy máu làm xét nghiệm khí máu; kỹ thuật ghi điện tim tại giường	Khoa Cấp cứu- Hồi sức tích cực chống độc	20
---	------------------	---------	------------	----------------	---	---	---	---	--	----

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
2	Nguyễn Thị Bích Thảo	Cử nhân	Điều dưỡng	4101/NA-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về điều dưỡng đại học	18	Chăm sóc sức khỏe người bệnh ngoại khoa	Thực hiện đúng trong an toàn thuốc; Rửa tay thường quy, rửa tay ngoại khoa; Thay băng, cắt chỉ vết thương, Chăm sóc người bệnh cố định ngoại vi gãy xương; chăm sóc người bệnh sau mổ sỏi đường tiết niệu, sau mổ viêm ruột thừa, sau mổ u tiền liệt tuyến...Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh trước, trong và sau mổ	Khoa KCB tự nguyện	20
3	Ngô Thị Phú	Cử nhân	Điều dưỡng	4126/NA-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về điều dưỡng đại học	12	Chăm sóc sức khỏe người có bệnh về đường hô hấp, tiêu hóa	Thực hiện các kỹ thuật tiêm bắp, tiêm dưới da, tiêm trong da, tiêm mông, tiêm tĩnh mạch, truyền tĩnh mạch; Chăm sóc bệnh nhân viêm phổi, viêm phế quản; bệnh nhân viêm đa khớp dạng thấp; bệnh nhân viêm dạ dày tá	Khoa Nội tổng hợp	30

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
4	Ngô Thị Hoài Sơn	Cử nhân Điều dưỡng	Phụ sản	4103/NA-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn của điều dưỡng đại học phụ sản	22	Chăm sóc sức khỏe sản phụ, trẻ sơ sinh và người có bệnh phụ khoa	Thực hành các kỹ thuật đỡ đẻ thường, chăm sóc sản phụ sau đẻ, sau mổ, chăm sóc trẻ sơ sinh ngay sau đẻ	Khoa Sản phụ khoa	30
5	Nguyễn Thị Hiên	Cử nhân Điều dưỡng	Phụ sản	6688/NA-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn của Hộ sinh đại học	12				

C. DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH CAO ĐẲNG

1	Phạm Thị Hằng	Cử nhân	Điều dưỡng	008447/NA-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về điều dưỡng đại học	3	Chăm sóc sức khỏe người có bệnh ngoại khoa	Thực hiện đúng trong an toàn thuốc; Rửa tay thường quy, rửa tay ngoại khoa; Thay băng, cắt chỉ vết thương, Chăm sóc người bệnh cố định ngoại vi gãy xương; Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh trước, trong và sau mổ	Khoa Ngoại	30
---	---------------	---------	------------	----------------	---	---	--	--	------------	----

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
2	Phạm Hữu Đoàn	Cử nhân	Điều dưỡng	4140/NA-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về điều dưỡng đại học	12	Chăm sóc sức khỏe người có bệnh tai mũi họng	Chăm sóc người bệnh sau mổ chấn thương hàm mặt, chăm sóc người bệnh chấn thương hàm mặt; chăm sóc người bệnh sau phẫu thuật cắt Amidal; chăm sóc người bệnh viêm VA, Amidal, viêm họng, viêm thanh quản; chuẩn bị dụng cụ lập kế hoạch chăm sóc người bệnh tai mũi họng, răng hàm mặt	Khoa TMH-RHM	15
3	Phạm Thị Duyên	Cử nhân	Điều dưỡng	4104/NA-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về điều dưỡng đại học	12	Chăm sóc sức khỏe người có bệnh Tim mạch, nội tiết	Kỹ thuật ghi điện tim, Chăm sóc người bệnh tăng huyết áp, suy tim mạn tính; bệnh nhân Basedow, bệnh nhân đái tháo đường	Khoa Nội tim mạch, nội tiết	30
4	Nguyễn Thị Thành Vinh	Cử nhân	Điều dưỡng	4119/NA-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về điều dưỡng đại học	13				

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
5	Nguyễn Thị Xuân	Cử nhân	Điều dưỡng	7451/NA-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về điều dưỡng đại học	5	Chăm sóc sức khỏe bệnh nhi	Thực hiện các kỹ thuật tiêm tĩnh mạch, truyền tĩnh mạch; kỹ thuật thắt ống đái; kỹ thuật đặt xông dạ dày, cho ăn qua sonde; Chăm sóc bệnh nhi tiêu chảy, co giật, viêm phổi	Khoa Nhi	20
6	Đặng Thị Hợi	Cử nhân Điều dưỡng	Phụ sản	4082/NA-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về điều dưỡng đại học phụ sản	13		Thực hành các kỹ thuật đỡ đẻ thường, chăm sóc sản phụ sau đẻ, sau mổ, chăm sóc trẻ sơ sinh ngay sau đẻ	Khoa Sản phụ khoa	30
7	Lê Văn Điệp	BsCKI	CĐHA	7971/NA-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh bệnh bằng hình ảnh	10				
8	Bùi Tất thành	Cử nhân ngành kỹ thuật y học	CĐHA	04131/NA-CCHN	Kỹ thuật viên hình ảnh y học; Bổ sung PVHĐCM: Đọc và mô tả hình ảnh chẩn đoán	8	Kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh y học	Các kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh bộ máy tiêu hóa, bộ máy tiết niệu sinh dục; tim, phổi và lồng ngực; xương, khớp	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
9	Hà Huy Cường	Cử nhân ngành kỹ thuật y học	CĐHA	4493/NA-CCHN	Thực hiện kỹ thuật, đọc, mô tả hình ảnh chẩn đoán y học	3				

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
10	Đoàn Thanh Lam	Dược sỹ CKII	Dược	002347 /NA- CCHN D	Đủ tiêu chuẩn hành nghề được các hình thức tổ chức kinh doanh thuốc sau: Doanh nghiệp bán buôn (thuốc, Vắc xin, sinh phẩm y tế); nhà thuốc	20	Dược học	Thực hành chuyên ngành về quản lý & cung ứng thuốc...; nhà thuốc	Dược	
11	Nguyễn Thị Nhung	Dược sỹ ĐH	Dược	001951 /NA- CCHN D	Đủ tiêu chuẩn hành nghề được các hình thức tổ chức kinh doanh thuốc sau: Doanh nghiệp bán buôn (thuốc, Vắc xin, sinh phẩm y tế); nhà thuốc	6	Dược học			
12	Võ Thị Huyền Trang	Dược sỹ ĐH	Dược	0180- 17/CC HN-D- SYT- NA	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về Dược của nhà thuốc	5	Dược học			

Ngày 18 tháng 3 năm 2019

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Huy Phúc

Danh sách TTB khoa đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành dựa vào chương trình thực hành. Đại học/Y Đa khoa/Cử nhân điều dưỡng/Hội sức cấp cứu

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng học	1	
2	Phòng trực	1	
3	Máy tính (máy bàn, laptop)	3	
4	Bảng viết	1	
5	Máy chiếu	1	
6	Phòng giao ban tại khoa	1	
7	Giường bệnh thực kê tại khoa	40	
8	Màn chiếu	1	
9	Máy điện tim Cardiofax-Model: ECG-9620L	1	
10	Máy hút nhót trẻ sơ sinh	1	
11	Giường điện đa năng CGMG	10	
12	Máy hút nhót	1	
13	Máy truyền dịch tự động TE-112	4	
14	Máy Monitor	6	
15	Máy thở	3	
16	Máy thở cho trẻ em	1	
17	Bơm tiêm điện	5	
18	Bơm truyền dịch	5	
19	Máy truyền dịch tự động	5	
20	Máy phá rung tim	1	
21	Máy phân tích khí máu	1	
22	Micro	1	

Danh sách TTB khoa đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành dựa vào chương trình thực hành. Đại học/Y Đa khoa/Cao đẳng Điều dưỡng Nội Tim mạch

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng học	1	
2	Phòng trực	2	
3	Máy tính (máy bàn, laptop)	1	
4	Bảng viết	1	
5	Máy chiếu	1	
6	Phòng giao ban tại khoa	1	
7	Giường bệnh thực kê tại khoa	40	
8	Màn chiếu	1	
9	Bơm tiêm điện	2	
10	Máy truyền dịch	2	
11	Máy khí dung	5	
12	Monitor	1	
13	Máy test đường	2	
14	Máy hút nhót	2	
15	Máy đo điện tim	1	
16	Đèn đọc phim	1	
17	Bộ đo huyết áp	8	
18	Máy hút đờm	3	
19	Micro	1	

Danh sách TTB khoa đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành dựa vào chương trình thực hành. Đại học/Y Đa khoa/Cử nhân Điều dưỡng/Cao đẳng Điều dưỡng Nội tổng hợp

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng học	1	
2	Phòng trực	2	
3	Máy tính (máy bàn, laptop)	1	
4	Bảng viết	1	
5	Máy chiếu	1	
6	Phòng giao ban tại khoa	1	
7	Giường bệnh thực kê tại khoa	42	
8	Màn chiếu	1	
9	Máy khí dung	3	
10	Monitor	1	
11	Máy hút nhót	1	
12	Máy đo điện tim	2	
13	Đèn đọc phim	1	
14	Bộ đo huyết áp	8	
15	Máy hút đờm	2	
16	Micro	1	

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
-----	--------------------	----------	---------

**Danh sách TTB khoa đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành , dựa vào chương trình thực hành.
Đại học /y đa khoa/Cao đẳng Điều dưỡng ngoại khoa**

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng học	1	
2	Phòng trực	1	
3	Máy tính (máy bàn, laptop)	4	
4	Bảng viết	1	
5	Phòng giao ban tại khoa	1	
6	Phòng tiểu phẫu	1	
7	Giường bệnh thực kê tại khoa	40	
8	Máy hút dịch	1	
9	Máy Monitor	1	
10	Bộ huyết áp	5	
11	Bàn mổ	2	
12	Đèn đọc phim	2	
13	Ống nghe	8	
14	Bàn bó bột kéo xương	1	
15	Dao, kéo cắt bột	4	
16	Nẹp các loại, băng cuộn các loại	10	
17	Dây Garo cầm máu	10	
18	Micro	1	

**Danh sách TTB khoa đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành , dựa vào chương trình thực hành.
Đại học /y đa khoa/Nhãn khoa**

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng học	1	
2	Phòng trực	1	
3	Máy tính (máy bàn, laptop)	3	
4	Bảng viết	1	
5	Phòng giao ban tại khoa	1	
6	Giường bệnh thực kê tại khoa	30	
7	Sinh hiển vi khám mắt gắn camera kỹ thuật số 1.3M	1	
8	Kính hiển vi phẫu thuật Birllian NT	1	
9	Đèn soi đáy mắt	1	
10	Máy đo Zaval MO4	1	
11	Máy siêu âm mắt	1	
12	Máy khám sinh hiển vi	1	
13	Máy hút dịch	1	
14	Tủ sấy Schutzart	1	
15	Bộ dụng cụ phẫu thuật Mắt	1	
16	Kính Volk 90D OI-STDM	1	
17	Nồi hấp tiệt trùng Auto calve	1	
18	Máy đo khúc xạ tự động	1	
19	Micro	1	

Danh sách TTB khoa đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành , dựa vào chương trình thực hành.

Đại học /y đa khoa/Cao đẳng điều dưỡng TMH-RHM

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng học	1	
2	Phòng trực	1	
3	Máy tính (máy bàn, laptop)	3	
4	Bảng viết	1	
5	Phòng giao ban tại khoa Ngoại tổng hợp	1	
6	Giường bệnh thực kê tại khoa	40	
7	Máy hút ăm	1	
8	Ghế răng cả giàn	1	
9	Ghế Răng cả giàn	1	
10	Máy nội soi Tai - Mũi - Họng (Máy in màu + nguồn sáng)	1	
11	Máy nội soi Tai - Mũi - Họng	1	
12	Máy nén khí dùng cho nha khoa	1	
13	Máy hút nhót New As Kir 20	1	
14	Máy Monitor	1	
15	Nồi hấp tiệt trùng Auto calve	1	
16	Tủ sấy Schutzart	1	
17	Đèn mổ di động	1	
18	Máy X quang NK Prox	1	
19	Bộ khám điều trị Răng Hàm Mặt + Ghế + Máy lấy cao răng siêu	1	
20	Bộ khám điều trị Tai Mũi Họng + Ghế	1	
21	Micro	1	

Danh sách TTB khoa đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành , dựa vào chương trình thực hành.

Đại học /y đa khoa/YHCT-PHCN

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng học	1	
2	Phòng trực	1	
3	Máy tính (máy bàn, laptop)	3	
4	Bảng viết	1	
5	Phòng giao ban tại khoa	1	
6	Giường bệnh thực kê tại khoa	35	
7	Xe đạp tập phục hồi chức năng	2	
8	Máy Massage chân	1	
9	Máy nắn bóp cơ	1	
10	Máy sắc thuốc đông y ST16	2	
11	Máy kéo giãn cột sống	1	
12	Máy siêu âm điều trị Intellct Advance Color Stim	1	
13	Máy điện phân thuốc	1	
14	Máy Lazer nội mạch	5	
15	Máy massage hàm cá mập	1	
16	Máy điện xung cao cấp	1	
17	Máy điện châm	7	
18	Máy điện từ trường điều trị	1	
19	Micro	1	

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
-----	--------------------	----------	---------

Danh sách TTB khoa đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành , dựa vào chương trình thực hành.
Đại học /y đa khoa/Nữ Hộ sinh sảnkhoa

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng học	1	
2	Phòng trực	1	
3	Máy tính (máy bàn, laptop)	3	
4	Bảng viết	1	
5	Phòng giao ban tại khoa Sản .	1	
6	Giường bệnh thực kê tại khoa	40	
7	Máy hút nhót trẻ sơ sinh. PHLEGM SOCTION 7 E-A	2	
8	Monitoring theo dõi sản khoa	3	
9	Bộ huyết áp	3	
10	Bàn đẻ	2	
11	Bàn khám phụ khoa	2	
12	Đèn đọc phim	1	
13	Ống nghe	5	
14	Phòng thủ thuật	1	
15	Bộ đỡ đẻ	10	
16	Bộ khám phụ khoa	5	
17	Máy siêu âm đen trắng 2 đầu dò + máy in + xe đẩy	1	
18	Monitor theo dõi bệnh nhân 6 thông số	2	
19	Tủ lạnh đựng vacxin	1	
20	Máy đốt điện cổ tử cung	1	
21	Lồng ấp trẻ sơ sinh	1	
22	Micro	1	
23	Tủ sấy 250 độ C 120 lít	3	

Danh sách TTB khoa đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành , dựa vào chương trình thực hành cao đẳng kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh y học

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng học	1	
2	Phòng trực	1	
3	Máy tính máy bàn, laptop	6	
4	Bảng viết	1	
5	Phòng giao ban tại khoa	1	
6	Hệ thống máy chụp vi tính CT SCANNER (02 lát)	1	
7	Máy rửa phim tự động XP 1200	1	
8	Máy siêu âm màu Aloka - Prosound Alpha 6	1	
9	Máy siêu âm màu đa dụng ALOKA PRSOUND	1	
10	Máy X. quang cố định Shimadzu UD 150L 30VFH	1	
11	Máy tán sỏi ngoài cơ thể Nacenas	1	
12	Máy in phim và đầu đọc CR	1	
13	Máy X Quang di động cao tần Shimadzu Mobile Art Eco Mus-	1	
14	Máy rửa phim tự động HOPE-USA Micro Max	1	
15	Máy siêu âm đen trắng 2 đầu dò + máy in + xe đẩy	1	
16	Máy siêu âm xách tay MiniDray	1	
17	Máy X Quang	1	
18	Fujifilm FCR Fuji Cassette type CC Xray Cassette (35,4x43 cm	1	
19	Fujifilm FCR Fuji Cassette type CC Xray Cassette (35,4x35,4 c	1	
20	Hệ thống X Quang kỹ thuật số (DR) 1 tấm nhận	1	
21	Hệ thống chuyển đổi kỹ thuật số của máy X-Quang FCR CAPSU	1	
22	Máy siêu âm màu Doppler 4D	1	
23	Micro	1	

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
-----	--------------------	----------	---------

Danh sách TTB khoa đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành , dựa vào chương trình thực hành
Cao đẳng Dược học

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng học	1	
2	Phòng trực	1	
3	Máy tính (máy bàn, laptop)	5	
4	Bảng viết	1	
5	Phòng giao ban tại khoa Dược.	1	
6	Máy chiếu	1	
7	Màn chiếu	1	
8	Kho thuốc nội trú	1	
9	Kho thuốc ngoại trú	1	
10	Phần mềm cấp phát thuốc	1	
11	Mic	1	

Ngày 18 tháng 3 năm 2019

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Huy Phúc